

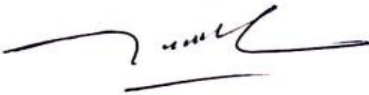
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

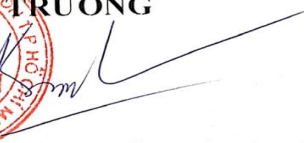
Tháng 6/2024(từ 1/6/2024 đến 30/6/2024)

STT	Tên loại quỹ	Tồn chuyển sang				Thu	Chi	Tồn	Trong đó		
		Tồn Tiền Mặt	Tồn tiền gửi KB	Tồn tiền gửi NH	Tổng cộng				Tồn TM	Tồn tiền gửi KB	Tồn tiền gửi NH
1	Học Phí	-	34.061.514	32.640.000	66.701.514	420.000	32.415.600	34.705.914	-	34.485.914	220.000
2	Phát triển sự nghiệp	-	30.222.703	-	30.222.703			30.222.703	-	30.222.703	
3	Khen thưởng	-	12.459.390	-	12.459.390			12.459.390	-	12.459.390	
4	Tổ chức PV,QL và VSBT	-	12.328.200	49.755.000	62.083.200	620.000	57.743.200	4.960.000	-	4.650.000	310.000
5	Thế dục nhịp điệu	-	7.115.297	18.135.000	25.250.297	195.000	20.267.060	5.178.237	-	5.113.237	65.000
6	Anh văn	-	8.482.100	22.240.000	30.722.100	240.000	24.680.160	6.281.940	-	6.201.940	80.000
7	Tiền ăn bán trú	14.063.000	39.730.228	174.048.000	227.841.228	22.144.000	161.329.185	88.656.043	2.774.000	64.954.043	20.928.000
8	Tiền ăn sáng	1.239.000	25.801.949	39.584.000	66.624.949	6.553.000	47.655.220	25.522.729	-	20.290.729	5.232.000
9	Học phẩm- học cụ	-	330.000	-	330.000			330.000	-	330.000	
10	Nước uống	-	2.869.149	3.210.000	6.079.149	350.000	3.257.604	3.171.545		2.841.545	330.000
11	TB-vật dụng bán trú	-	230.000	-	230.000			230.000	-	230.000	
12	Lãi TG	-	-	95.919	95.919	6.581		102.500	-	-	102.500
13	Phục vụ ăn sáng	-	4.388.800	23.200.000	27.588.800	320.000	27.748.800	160.000	-	-	160.000
14	CSSK học sinh	-	24.822.680	-	24.822.680			24.822.680	-	24.822.680	
15	Nguồn CCTL	-	33.272.462	572.778	33.845.240	30.872.000		64.717.240	-	64.144.462	572.778
16	PH đóng dư	-	-	7.500	7.500		-	7.500	-	-	7.500
17	Học hè	-	-	-		20.460.000		20.460.000		-	20.460.000
	TỔNG CỘNG	15.302.000	236.114.472	363.488.197	614.904.669	61.720.581	375.096.829	301.528.421	2.774.000	270.746.643	48.467.778

Thủ quỹ

Trần Trung Hậu

Kế Toán

Nguyễn Thị Hồng Hạnh


HIỆU TRƯỞNG

Đỗ Thị Kim Tiên